

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TUYẾT MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TUYẾT MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUYET MINH SERVICES AND TRANSPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107424322

3. Ngày thành lập: 06/05/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đường Đa Phúc, thôn Dục Thượng, Xã Tiên Dục, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0439902777

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
2.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
3.	Bốc xếp hàng hóa	5224
4.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
6.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);	4669
7.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
8.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
9.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
10.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
11.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

12.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
13.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
14.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
15.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
16.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
17.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
18.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
19.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
20.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
21.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
22.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
23.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
24.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
25.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
26.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
27.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
28.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
29.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
30.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
31.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
32.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
33.	Thu gom rác thải độc hại	3812
34.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
35.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
36.	Tái chế phế liệu	3830
37.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
38.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

39.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
40.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
41.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
43.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
44.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
45.	Bán buôn gạo	4631
46.	Bán buôn thực phẩm	4632
47.	Bán buôn đồ uống	4633
48.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
49.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
50.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
51.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
52.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh	4773
53.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
54.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;	4933(Chính)
55.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: dịch vụ trang trí khánh tiết, hoa hội nghị	8230
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299

57.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
58.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
59.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
60.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
61.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
62.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
63.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
64.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
65.	Cho thuê xe có động cơ	7710
66.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
67.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
68.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
69.	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	HÀ THỊ TUYẾT	Thôn Dược Thượng, Xã Tiên Dược, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	50,000	001170002154	
2	NGUYỄN ĐẮC CÔNG	Thôn Dược Thượng, Xã Tiên Dược, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	50,000	111768815	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HÀ THỊ TUYẾT

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 27/12/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001170002154

Ngày cấp: 18/11/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Dược Thượng, Xã Tiên Dược, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Dược Thượng, Xã Tiên Dược, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội